

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2021/HS-ST

Ngày: 12-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thề và bà Trần Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Kiều Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 49/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐXXST - HS ngày 01 tháng 11 năm 2021, đối với bị cáo:

Lê Văn D (tên gọi khác: Không);

Sinh năm 1993, tại: Nam Định. Giới tính: Nam. Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Tự do. Con ông: Lê Văn C, sinh năm 1966 và con bà Vũ Thị B, sinh năm 1965. Vợ là Đỗ Thị H, sinh năm 1998 và 01 con sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26-3-2021 theo lệnh số 03 ngày 25-3-2021 của Cơ quan CSĐT Công an huyện V. Hiện nay bị cáo đang bị tạm giam theo lệnh tạm giam số 18/2021/HSST-QĐTG ngày 10-11-2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định. (Có mặt).

- Bị hại: Bà Trương Thị M (Tên gọi khác là Thích Đàm M), sinh năm 1957. Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định. (Có mặt).

- Người làm chứng:

+ Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1963. (Vắng mặt)

+ Ông Đỗ Mạnh H, sinh năm 1955. (Vắng mặt)

+ Chị Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 2001. (Vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965. (Vắng mặt)

Đều có địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định.

+ Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1971. (Vắng mặt)

+ Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1998. (Có mặt)

Đều có địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 5 năm 2019, bị cáo Lê Văn D có lên chùa Nguyệt Mai, xã Đ để lễ, tại đây D quen biết bà Trương Thị M (pháp danh Thích Đàm M, là sư trụ trì của chùa Nguyệt Mai). Do biết bà M đang có tranh chấp cái ao ở cạnh chùa với Ủy ban nhân dân xã Đ từ mấy năm nay vẫn chưa giải quyết được, D nảy sinh ý định lừa bà M để chiếm đoạt tiền. Để thực hiện ý định trên, D nói dối với bà M là D quen biết nhà báo tên D ở trên Hà Nội, quê ở làng B, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định, anh D trước đây đã đòi được nhiều đất cho nhân dân xã T. Nghe D nói vậy bà M rất tin tưởng và nhờ D gặp gỡ nhà báo tên D để đòi lại ao cho nhà chùa. Khi đã lấy được lòng tin của bà M, D mua 2 sim rác mạng Viettel gồm các số: 0345442186 và 0862499570 ở ven đường Quốc lộ 10 (D không nhớ địa chỉ cụ thể) rồi D tự lấy điện thoại của bà M lưu số 0345442186 vào đề tên là “NhabaoDung” để tiện cho việc lừa đảo của mình. Sau đó D yêu cầu bà M phô tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chùa Nguyệt Mai, tờ đơn xin cấp ao cho chùa, có chữ ký của nhân dân thôn H, xã Đ để D lên gặp nhà báo nói chuyện. D lắp thêm sim số 0345442186 vào chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung A11 loại 2 sim, trong đó số sim chính D đang dùng là 0986598740 và D dùng số sim lắp thêm trên để gọi trực tiếp cho bà M. Trong các cuộc gọi cho bà M bằng số sim này, D đều tự xưng mình là nhà báo D, yêu cầu bà M chuẩn bị tiền với số lượng tiền do D đưa ra và hẹn 1 hoặc 2 hôm sau đưa cho D để chuyển lên cho anh D. Bằng cách thức này, trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 2019 đến tháng 10 năm 2020 D đã 4 lần lừa bà M để chiếm đoạt tổng số tiền 255.000.000đ (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng). Cụ thể các lần D chiếm đoạt tiền của bà M như sau:

- Lần 1: Vào khoảng tháng 7 năm 2019, D lên chùa Nguyệt Mai, xã Đ gặp bà M, bà M giao cho D số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Việc giao nhận tiền giữa D và bà M có ông Đỗ Văn T chứng kiến.

- Lần 2: Vào khoảng tháng 5 năm 2020, D gặp bà M ở nhà ông Đỗ Văn T (là bố vợ D), ở Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định, tại đây bà M giao cho D số

tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng). Việc giao nhận tiền giữa bà M và D có ông T và chị Nguyễn Thị Huyền T chứng kiến.

- Lần 3: Vào khoảng tháng 6 năm 2020, D hẹn gặp bà M để lấy tiền nhưng do bà M bận nên đã gửi số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) của mình cho ông Đỗ Mạnh H (ông H là người quen của bà M), để ông H đưa cho D. D đã trực tiếp đến nhà ông H để lấy số tiền trên do ông H đưa.

- Lần 4: Vào khoảng tháng 10 năm 2020, D lên chùa Nguyệt Mai, xã Đ gặp bà M, bà M giao cho D số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Việc giao nhận tiền giữa bà M và D có bà Nguyễn Thị T (bà T là người làm vườn ở chùa Nguyệt Mai) biết và chứng kiến.

Do đưa tiền cho D nhiều lần mà không thấy việc tranh chấp đất đai của mình được giải quyết, bà M đã điện thoại cho D nhiều lần để thúc giục. D đã tự mình lên mạng lấy các mẫu văn bản liên quan của Tòa án gồm: Đơn khởi kiện, thông báo hoãn phiên tòa, quyết định tạm đình chỉ giải quyết dân sự, biên bản làm việc, D thuê người đánh máy và tự viết các nội dung liên quan đến việc của bà M, sau đó D cho các giấy tờ trên vào phong bì và đưa lên chùa cho bà M. Tiếp đến D lại lấy số sim rác giả danh nhà báo D gọi điện cho bà M hỏi han và nói với bà M cất kỹ các giấy tờ trên, vì vậy bà M tưởng thật không gọi điện giục D nữa. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt được của bà M nêu trên, D sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 20-01-2021, sau khi biết mình bị D lừa, bà M đã có đơn trình báo gửi Công an xã Đ, sau đó công an xã Đ đã bàn giao toàn bộ hồ sơ vụ việc cho cơ quan CSĐT Công an huyện V để điều tra giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, Lê Văn D đã giao nộp cho cơ quan CSĐT Công an huyện V chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A11 màu xanh, vỏ bọc ngoài màu đen, có số sim 0986598740, số sê ri R9jN409R20J, IMEI (khe 1): 353279112050607, IMEI (khe 2): 353280112050605.

Ngày 24-02-2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã có quyết định số 45 trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của các loại giấy tờ mà D tự đóng phong bì gửi cho bà M.

Tại bản kết luận giám định số 284/KLGD-PC 09 ngày 09-3-2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định đã kết luận: Chữ ký, chữ viết trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Văn D là do cùng một người ký, viết ra.

Tại Cơ quan CSĐT Công an huyện V, Lê Văn D đã khai nhận toàn bộ các hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Cáo trạng số: 49/CT-VKSVB ngày 25-10-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Lê Văn D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo Lê Văn D đã thành khẩn khai báo về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình đúng như nội dung đã nêu trên và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin được giảm nhẹ một phần hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V thực hành quyền công tố. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo và đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị như sau:

- Về điều luật và tội danh: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 của Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Lê Văn D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Về hình phạt: Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Lê Văn D từ 45 tháng đến 48 tháng tù, miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Lê Văn D phải trả cho bà Trương Thị M số tiền là 175.000.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A11 màu xanh, vỏ bọc ngoài màu đen, có số sim 0986598740, số seri R9JN409R201, IMEI (Khe1): 353279112050607, IMEI (khe 2): 353280112050605, điện thoại đã cũ đã qua sử dụng.

- Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trong hình sự: Buộc bị cáo Lê Văn D phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện V; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ

quan tiền hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

[2]. Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của bị cáo: Xét lời khai nhận tội của bị cáo Lê Văn D tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như: Vật chứng đã thu giữ; Kết luận giám định số 284/KLGĐ-PC09 ngày 09-3-2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định; Lời khai của bị cáo, lời khai của bị hại, lời khai của những người làm chứng tại giai đoạn điều tra... Do đó, Hội đồng xét xử thấy đã có đủ căn cứ để kết luận: “Trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 2019 đến tháng 10 năm 2020, Lê Văn D đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt số tiền 255.000.000đ (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng) của bà Trương Thị M (pháp danh Thích Đàm M là sư trụ trì của chùa Nguyệt Mai, xã Đ) với mục đích để sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân”.

[3]. Về tình tiết định khung hình phạt: Đối chiếu hành vi mà bị cáo Lê Văn D đã thực hiện nêu trên với những quy định của Bộ luật Hình sự hiện hành thì hành vi đó của bị cáo D đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

[4]. Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Xét hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm tới quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân; ngoài ra còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, làm cho những người dân luôn lo sợ kẻ gian bắt chước pháp luật bằng mọi thủ đoạn để chiếm đoạt tài sản hợp pháp của mình, gây nên sự bức xúc trong quần chúng nhân dân; bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự cũng như năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện việc phạm tội. Do đó, buộc bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của bản thân và thấy cần phải áp dụng loại hình phạt cũng như mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo thì mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng, đồng thời cũng là để răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân, tiền án, tiền sự: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Từ tháng 7-2019 đến tháng 10-2020, Lê Văn D đã 04 lần dùng cùng một thủ đoạn lừa đảo nhằm chiếm đoạt tiền của bà M, trong đó số tiền mỗi lần D chiếm đoạt của bà M đều trên 2.000.000đ, đủ yếu tố cấu thành tội phạm, chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách

nhiệm hình sự, vì vậy, D còn bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại với số tiền là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng). Do đó, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo D có hoàn cảnh gia đình khó khăn, được chính quyền địa phương xác nhận, bị cáo có người thân (ông nội là ông Lê Văn P) là liệt sỹ, nên bị cáo D được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6]. Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cần phải áp dụng hình phạt dưới khung theo quy định tại Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo và tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi môi trường ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội được.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo đúng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bà M và bị cáo D đều thừa nhận: bị cáo D đã trả lại cho bà M số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng). Bà M tiếp tục yêu cầu bị cáo D phải trả lại cho bà số tiền là 175.000.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Bị cáo Lê Văn D cũng đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại nhưng do chưa có tiền nên sẽ bồi thường sau. Xét yêu cầu của bị hại và sự đồng ý trả lại của bị cáo D là phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ buộc bị cáo Lê Văn D phải trả lại cho bà Trương Thị M (Thích Đàm M) số tiền 175.000.000đ theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự, là đúng quy định của pháp luật.

[9]. Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A11 màu xanh, vỏ bọc ngoài màu đen, có số sim 0986598740, số sê ri R9jN409R20J, IMEI(khe 1): 353279112050607, IMEI (khe 2): 353280112050605, đây là điện thoại và số sim được D sử dụng để liên lạc với bà M và để thực hiện

hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà M. Do đó cần được tịch thu, bán hóa giá sung ngân sách Nhà nước.

[7]. Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Văn D phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38; của Bộ luật Hình sự:

- Tuyên bố bị cáo Lê Văn D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn D 45 (Bốn mươi lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26-3-2021.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 357, 468, 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự:

- Buộc bị cáo Lê Văn D phải bồi thường cho bà Trương Thị M (Thích Đàm M) số tiền 175.000.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu và hóa giá sung ngân sách Nhà nước: 01 Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A11 màu xanh, vỏ bọc ngoài màu đen, có số sim 0986598740, số seri R9JN409R201, IMEI (Khe 1): 353279112050607, IMEI (khe2): 353280112050605, điện thoại đã cũ đã qua sử dụng. (Vật chứng đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Nam Định theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27-10-2021 giữa Công an huyện V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V).

3. Án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Văn D phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Văn D phải nộp số tiền 8.750.000đ (Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Lê Văn D và bị hại Trương Thị M (Thích Đàm M) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện VB;
- UBND xã Đ;
- Sở tư pháp tỉnh Nam Định;
- Phòng PC10, PV 06 Công an tỉnh ND;
- Lưu VP Tòa án, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hiển